

Số: /2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

THÔNG TƯ

**Quy định về khoản thu của Công ty Quản lý tài sản của
các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với các khoản nợ xấu được mua bằng
trái phiếu đặc biệt**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về khoản thu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về khoản thu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản) đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, bao gồm:

a) Số tiền được thu theo một tỷ lệ do Ngân hàng Nhà nước quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính tính trên số tiền thu hồi của các khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua bằng trái phiếu đặc biệt trừ đi số tiền Công ty

Quản lý tài sản đã thu theo quy định tại điểm b khoản này (sau đây gọi là khoản thu từ số tiền thu hồi nợ).

b) Số tiền được thu hằng năm theo một tỷ lệ do Ngân hàng Nhà nước quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính tính trên số dư còn lại cuối kỳ của khoản nợ xấu đang được hạch toán nội bảng trên bảng cân đối kế toán của Công ty Quản lý tài sản (sau đây gọi là khoản thu trên số dư nợ cuối kỳ).

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

a) Công ty Quản lý tài sản;

b) Tổ chức tín dụng Việt Nam bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản và nhận trái phiếu đặc biệt (sau đây gọi là tổ chức tín dụng bán nợ);

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Thẩm quyền, nguyên tắc xác định các tỷ lệ của khoản thu đối với khoản nợ được mua bằng trái phiếu đặc biệt

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định các tỷ lệ được quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 1 Thông tư này sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Việc xác định các tỷ lệ được quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 1 Thông tư này thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Đảm bảo Công ty Quản lý tài sản có đủ nguồn thu bù đắp đầy đủ chi phí hoạt động theo quy định của pháp luật, theo nguyên tắc tiết kiệm;

b) Thúc đẩy việc xử lý nợ xấu;

c) Hạn chế rủi ro và chi phí trong xử lý nợ xấu;

d) Giảm thiểu chi phí cho tổ chức tín dụng bán nợ.

Điều 3. Xác định khoản thu của Công ty Quản lý tài sản

1. Số dư còn lại cuối kỳ của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư này là giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại Công ty Quản lý tài sản tại thời điểm 30/11 của năm xác định khoản thu hoặc tại ngày trái phiếu đặc biệt được thanh toán.

2. Năm xác định khoản thu được tính từ ngày 01/12 của năm trước liền kề đến ngày 30/11 của năm tài chính hiện tại.

3. Khoản thu trên số dư nợ cuối kỳ được tính theo công thức sau:

$$A = B \times C$$

Trong đó:

A: là khoản thu trên số dư nợ cuối kỳ của từng khoản nợ xấu.

B: là số dư còn lại cuối kỳ của từng khoản nợ xấu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

C: là tỷ lệ khoản thu tính trên số dư còn lại cuối kỳ hằng năm (tính theo %) do Ngân hàng Nhà nước quyết định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

4. Khoản thu từ số tiền thu hồi nợ được tính theo công thức sau:

$$X_t = Y_t \times D - \sum_{i=1}^t A_i$$

Trong đó:

X: là khoản thu từ thu hồi nợ của từng khoản nợ xấu trong năm xác định khoản thu, chỉ lấy $X > 0$.

Y_t : là số tiền thu hồi nợ kể từ năm phát hành đến thời điểm thanh toán trái phiếu đặc biệt được mua bằng khoản nợ xấu.

D: là tỷ lệ khoản thu từ số tiền thu hồi nợ (tính theo %) do Ngân hàng Nhà nước quyết định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

$\sum_{i=1}^t A_i$: là tổng các khoản thu trên số dư nợ cuối kỳ của khoản nợ xấu đã thu từ năm thứ nhất đến năm thứ t, trong đó t là số năm kể từ năm phát hành đến thời điểm thanh toán trái phiếu đặc biệt.

Điều 4. Số tiền thu hồi nợ

1. Số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản bao gồm các khoản tiền và tài sản sau đây:

a) Số tiền thu được từ việc bán nợ, bao gồm cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá thị trường hoặc giá thỏa thuận và không bao gồm trường hợp bán nợ cho chính tổ chức tín dụng bán nợ khi thanh toán trái phiếu đặc biệt;

b) Số tiền thu từ các hoạt động khai thác, cho thuê, bán tài sản bảo đảm;

c) Số tiền khách hàng vay trả nợ (bao gồm gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ);

d) Số tiền do bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ thanh toán hoặc do bên thứ ba khác trả nợ thay cho khách hàng vay;

đ) Giá trị tài sản bảo đảm mà Công ty Quản lý tài sản tiếp nhận làm tài sản của Công ty Quản lý tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận và định giá lại theo quy định của pháp luật;

e) Giá trị khoản góp vốn điều lệ, vốn cổ phần tại khách hàng vay do chuyển nợ thành vốn điều lệ, vốn cổ phần đã được các bên thỏa thuận và xác định theo quy định của pháp luật khi thực hiện chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần.

2. Số tiền thu hồi nợ làm cơ sở tính toán khoản thu từ thu hồi nợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư này được xác định bằng các khoản tiền và tài sản quy định tại khoản 1 Điều này trừ (-) chi phí liên quan đến xử lý tài sản

bảo đảm của khoản nợ phát sinh số tiền thu hồi nợ, các chi phí khác thuộc nghĩa vụ của khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, quy định của pháp luật và số tiền thừa trả lại khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ (nếu có).

Điều 5. Thanh toán khoản thu của Công ty Quản lý tài sản

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc đầu tiên của tháng 12 của năm tài chính hiện tại đối với các trái phiếu đặc biệt chưa được thanh toán hoặc trong thời hạn 10 ngày làm việc đầu tiên của quý tiếp theo quý có trái phiếu đặc biệt được thanh toán đối với các trái phiếu đặc biệt được thanh toán, Công ty Quản lý tài sản tính toán các khoản thu theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 3 Thông tư này và có văn bản đề nghị tổ chức tín dụng bán nợ thanh toán.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng bán nợ đối chiếu, khớp đúng và thanh toán cho Công ty Quản lý tài sản các khoản thu theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 3 Thông tư này.

Điều 6. Hạch toán khoản thu của Công ty Quản lý tài sản đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt

Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện hạch toán khoản thu đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng bán nợ, Công ty Quản lý tài sản trong việc thực hiện quy định tại Thông tư này.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Vụ Tài chính - Kế toán:

a) Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và các đơn vị liên quan trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến đối với kế hoạch tài chính hằng năm của Công ty Quản lý tài sản.

b) Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và các đơn vị liên quan trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định các tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này trong từng thời kỳ.

c) Hướng dẫn nghiệp vụ kế toán đối với các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các khoản thu của VAMC.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng bán nợ trên địa bàn trong việc thực hiện quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản

1. Giám sát, kiểm tra các tổ chức tín dụng bán nợ trong việc xác định, thanh toán khoản thu đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt và quy định của Thông tư này.

2. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng bán nợ

1. Phối hợp với Công ty Quản lý tài sản đối chiếu, khớp đúng và thanh toán đầy đủ, kịp thời khoản thu đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức tín dụng bán nợ được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có trách nhiệm báo cáo Công ty Quản lý tài sản các khoản thu hồi nợ khi phát sinh và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ về số liệu báo cáo.

3. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2016 và thay thế Thông tư số 20/2014/TT-NHNN ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về khoản thu, tạm ứng của Công ty Quản lý tài sản đối với các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc của Công ty Quản lý tài sản chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ PC, TTGSNH5.

THỐNG ĐỐC